

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRÊN LĨNH VỰC XÃ HỘI Ở VÙNG TÂY NGUYÊN MỘT SỐ BẤT CẬP, KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP

TS ĐÌNH NHƯ HOÀI

Học viện Chính trị khu vực III

1. Đặt vấn đề

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã xác định: “Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người; điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất coi trọng việc ban hành và triển khai các chính sách trên mọi lĩnh vực, trong đó có các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội.

Tại Việt Nam, Tây Nguyên là khu vực trọng điểm, là nơi sinh sống của bà con nhiều dân tộc thiểu số khác nhau. Vùng Tây Nguyên gồm 5 tỉnh là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tổng diện tích vùng Tây Nguyên là 5454,8 ha, với dân số là 6163,6 nghìn người vào năm 2023. Vùng Tây Nguyên là nơi sinh sống của 51 dân tộc thiểu số (DTTS), trong đó có 12 DTTS tại chỗ và 39 DTTS di cư đến². Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung trong đó có chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội đối với các DTTS vùng Tây Nguyên. Bên cạnh những điểm mạnh và ưu thế, Tây Nguyên cũng là vùng đất gặp nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển do đặc điểm về tự nhiên, xã hội cũng như những vấn đề phức tạp về dân tộc, tôn giáo. Nghiên cứu này góp phần làm rõ những bất cập, khó khăn và đưa ra một số giải pháp để nâng

cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên.

2. Một số khái niệm liên quan thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên

Khái niệm “dân tộc” được hiểu theo Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, “Dân tộc là khái niệm chỉ một cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung sinh hoạt kinh tế, có ngôn ngữ riêng, có những nét đặc thù về văn hoá. Dân tộc của một người được thể hiện trên giấy khai sinh và các giấy tờ nhân thân của người đó”.

Khái niệm chính sách được nhiều tác giả định nghĩa với nhiều cách khác nhau. Chính sách được xem là văn bản của nhà lãnh đạo thể hiện ý muốn, mục tiêu, yêu cầu, trách nhiệm và tiêu chuẩn liên quan tới vấn đề nào đó. Chính sách được xem như một công cụ của Nhà nước được thể chế hoá bằng các cơ chế, giải pháp cụ thể để tác động vào các quan hệ xã hội, nhằm giải quyết các vấn đề xã hội đang đặt ra góp phần thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội và phát triển toàn diện³.

Nhắc đến khái niệm chính sách dân tộc là nhắc đến một hệ thống các chủ trương, giải pháp, nhằm thực hiện quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc, trong đó có sự quan tâm đến các DTTS có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp. Chính sách dân tộc là chính sách để giải quyết vấn đề dân tộc và mối quan hệ giữa các dân tộc trên

mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính sách dân tộc ở Việt Nam là cụ thể hoá quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc. Xét về mục tiêu, chính sách dân tộc của Đảng nhằm khai thác mọi tiềm năng đất nước để phục vụ đời sống nhân dân các dân tộc, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch, xoá đói giảm nghèo, thực hiện “đân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁴.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội là các chính sách của nhà nước nhằm đảm bảo cho các DTTS đều có khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, được chăm sóc về y tế, được cung cấp nguồn nước sạch, được hướng dẫn và đào tạo về nghề nghiệp, được giúp đỡ lúc gặp khó khăn... nghĩa là được hưởng thụ một cách công bằng những thành quả của quá trình phát triển đất nước⁵.

Trong nghiên cứu này, thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên được hiểu là việc đưa các quyết sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, trên cơ sở cụ thể hóa các quyết sách tác động vào các quan hệ tộc người, vào vùng DTTS nhằm đảm bảo cho các DTTS đều có khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, được chăm sóc về y tế, được cung cấp nguồn nước sạch, được hướng dẫn và đào tạo về nghề nghiệp, được giúp đỡ lúc gặp khó khăn,... nghĩa là được hưởng thụ một cách công bằng những thành quả của quá trình phát triển đất nước.

3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Chính sách của Đảng và Chính phủ ta đối với miền núi là rất đúng đắn. Trong chính sách đó có hai điều quan trọng nhất là: Đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào”⁶. Từ khi được thành lập đến nay, Đảng và Nhà nước luôn đưa ra các chính sách dân tộc phù hợp, kịp thời, gắn liền với từng thời kỳ phát triển của đất nước. Từ đổi mới đến nay, trong tất cả các kỳ Đại hội, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác dân tộc. Vấn đề dân tộc “có vị trí chiến lược lớn”, “luôn luôn có vị trí chiến lược”, “có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta”. Có nội dung cơ bản thống nhất, đó là: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng,

đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc. Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống các DTTS trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất”⁷.

Để chính sách dân tộc đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân DTTS, Đảng và Nhà nước luôn tăng cường rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác dân tộc để thể chế hóa đầy đủ, toàn diện đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Trong những năm gần đây, tính kịp thời, liên kết, minh bạch của chính sách dân tộc được thể hiện qua việc nhà nước ban hành và triển khai một loạt các chính sách nh: thể chế hóa Kết luận 65-KL/TW ngày 30-10-2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18-11-2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Đặc biệt, năm 2020 Quốc hội đã phê duyệt Nghị quyết số 120/2020/QH14 về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Đến ngày 14-10-2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Đây là lần đầu tiên nước ta có Chương trình mục tiêu Quốc gia dành cho đồng bào DTTS và miền núi. Chương trình là quyết sách lớn, thể hiện sự quan tâm kịp thời của Đảng và Nhà nước đối với

vùng đồng bào DTTS và miền núi nói chung, đồng bào các DTTS nói riêng.

Để thực hiện chính sách dân tộc hiệu quả, Đảng và Nhà nước ta huy động mọi lực lượng tham gia thực hiện chính sách dân tộc. Trong Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Hội nghị lần thứ bảy về công tác dân tộc đã xác định: “Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị”.

Có thể thấy, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai hàng loạt các chính sách dân tộc thiếu số nhằm tạo cơ chế cho việc phát huy tiềm năng, thế mạnh và khắc phục những hạn chế, khó khăn của bà con các DTTS. Đối với vùng Tây Nguyên, với đặc thù là khu vực đông bà con DTTS sinh sống nhưng điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, bên cạnh phát triển các thế mạnh của vùng, quan điểm của Đảng và Nhà nước là cần đẩy mạnh: “Phát triển nguồn nhân lực, ổn định dân cư, ưu tiên bảo tồn và khôi phục các giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc của các dân tộc vùng Tây Nguyên”. Hàng loạt chính sách dành cho Tây Nguyên đã được ban hành và thực hiện như Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 18-01-2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010, và 10 năm thực hiện Kết luận số 12-KL/TW ngày 24-10-2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020.

Nhìn chung, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về *chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội* thể hiện sự trung thành, nhất quán với chủ nghĩa Mác - Lênin, có kế thừa, phát huy sáng tạo tinh thần và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc. Các chính sách này được ban hành và triển khai phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tiễn của từng vùng tại Việt Nam trong đó có vùng Tây Nguyên. Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về *chính sách dân tộc* cũng trở thành căn cứ nền tảng, định hướng cho việc hoạch định, quyết định chính sách và tổ chức thực hiện có kết quả các *chính sách dân tộc*, đồng thời cũng là định hướng cho các giải pháp nâng cao hiệu

quả thực hiện *chính sách dân tộc* trên lĩnh vực xã hội vùng Tây Nguyên.

4. Một số bất cập, khó khăn trong thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc triển khai các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên cũng phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức và bất cập cần được tiếp tục giải quyết. Cụ thể:

Đến thời điểm hiện nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi thông qua các văn bản chỉ đạo. Đảng ủy và chính quyền các cấp của các tỉnh vùng Tây Nguyên đã triển khai và ban hành các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội phù hợp với tình hình địa phương nhưng tiến độ ban hành văn bản quy phạm pháp luật tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ở tỉnh đôi khi còn chậm, ảnh hưởng lớn đến việc giải ngân vốn đầu tư. Một số văn bản của tỉnh quy định chưa đầy đủ, chưa thống nhất với văn bản trung ương, gây khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện^o. Cùng với đó, cơ chế thực thi chính sách phức tạp và thiếu đồng bộ. Công tác tổ chức quản lý thực hiện còn gặp nhiều khó khăn như trùng lặp về đối tượng, nội dung và cơ quan triển khai thực hiện chính sách ở địa phương và giữa các chính sách với nhau.

Các địa phương trong vùng Tây Nguyên đang gặp phải nhiều khó khăn trong việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 do đây là chương trình rộng lớn và nằm ở địa bàn khó khăn, phức tạp. Mặc dù việc triển khai các chính sách của Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trong đó có các chính sách về xóa đói giảm nghèo đã có nhiều thành tựu lớn. Tuy nhiên, đời sống của đồng bào vùng DTTS tại Tây Nguyên còn nhiều khó khăn, kinh tế tăng trưởng không cao, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn cao so với tỷ lệ chung cả nước. Theo kết quả khảo sát mức sống dân cư 2022, thu nhập bình quân đầu người một tháng của người dân vùng Tây Nguyên đạt 3.282.000 đồng, chỉ số này cao hơn so

với vùng Trung du và miền núi phía Bắc nhưng chỉ bằng 1/2 so với vùng Đông Nam Bộ. Đến năm 2023, khi thu nhập bình quân của cả nước đạt 4.962 nghìn đồng thì thu nhập của khu vực Tây Nguyên chỉ đạt 3.566 nghìn đồng. Cùng với đó, tỷ lệ hộ nghèo của cả nước đã giảm xuống còn 3,4% trong khi tỷ lệ hộ nghèo của vùng Tây Nguyên cũng giảm nhưng vẫn có tỷ lệ cao là 9,0%⁹.

Các chính sách giáo dục với đồng bào DTTS vùng Tây Nguyên đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện và phát huy hiệu quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực vùng DTTS vùng Tây Nguyên vẫn còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực. Đến năm 2023, trong khi tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo của cả nước đã tăng lên 27,2% thì vùng Tây Nguyên tỷ lệ này có tăng nhưng vẫn chỉ ở mức 18,2%, thấp hơn tỷ lệ của cả nước tới 9%¹⁰.

Việc đầu tư phát triển mạng lưới y tế đã được các cấp, các ngành quan tâm, nhưng do ảnh hưởng của tình trạng thiếu bác sĩ, cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao và sâu, còn khó khăn về nhân lực, cơ sở vật chất nên chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Năm 2022, toàn Tây Nguyên chỉ có 3821 bác sĩ¹¹. Cùng với đó, mặc dù tỷ lệ được cấp thẻ bảo hiểm y tế cao nhưng tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng thẻ còn thấp. Tỷ lệ trẻ em người DTTS suy dinh dưỡng còn cao. Tâm vóc thể trạng người DTTS chưa được cải thiện nhiều.

Nhìn chung, trong những năm qua, thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Tây Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa quan trọng trên lĩnh vực xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện chính sách dân tộc nói chung, các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội nói riêng vẫn còn tồn tại những bất cập, khó khăn. Vì thế, cần phải có các giải pháp để thực hiện các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở Tây Nguyên một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đời sống đồng bào các DTTS.

5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên

Để việc thực hiện các chính sách dân tộc dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên ngày càng phát huy hiệu quả và khắc phục được những khó

khăn, bất cập, bài viết đưa ra một số đề xuất giải pháp như sau:

Thứ nhất, các chính sách đưa ra cần phù hợp với tình hình thực tiễn và đảm bảo sự thống nhất, hài hòa với các chính sách khác. Để việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội thuận lợi có hiệu quả, các chính sách đưa ra cần phù hợp với tình hình thực tiễn của từng DTTS, từng vùng dân tộc tại mỗi địa phương. Đồng thời các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội được ban hành cần có sự thống nhất, hài hòa với các chính sách khác, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp giữa các chính sách, các hoạt động. Do đó, Đảng và Nhà nước cần đẩy mạnh hơn nữa việc phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc sao cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc tại mỗi địa phương. Trên cơ sở các chủ trương chung của Đảng và Nhà nước, UBND các tỉnh vùng Tây Nguyên cần chủ động hơn nữa trong việc xây dựng kế hoạch triển khai bám sát vào tình hình thực tiễn trên địa bàn. Đối với các chính sách không còn phù hợp với tình hình thực tế, chính quyền địa phương ở cả 3 cấp xã, huyện, tỉnh đều cần chủ động đề xuất lên cấp có thẩm quyền cao hơn nhằm có căn cứ thực tế điều chỉnh các nội dung quy định trong chính sách sao phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn.

Thứ hai, phát huy tính chủ động, sáng tạo, và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc. Cần phát huy tính chủ động, sáng tạo, và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện để tăng cường hiệu quả các cơ chế, chính sách nói chung và cơ chế chính sách về DTTS nói riêng. Cần thực hiện cơ chế trung ương ban hành chính sách khung gắn với mục tiêu cụ thể cần đạt được. Trên cơ sở đó, trung ương tiến hành phân cấp cho địa phương tổ chức thực hiện chính sách để phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm và phù hợp đồng thời trao quyền cho cộng đồng thực hiện một số nội dung, hạng mục chính sách, dự án nhằm phát huy hiệu quả của các chính sách. Trung ương tăng cường kiểm tra, giám sát theo mục tiêu chính sách đã đề ra,

hoàn thiện và thể chế hóa các cơ chế về trao quyền gắn với trách nhiệm giải trình. Nhà nước cần tiếp tục đầu tư nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ địa phương nhất là cấp cơ sở sao cho có thể tổ chức thực hiện chính sách đúng quy định và mang lại hiệu quả cao trong quá trình triển khai chính sách.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát huy nội lực của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nguyên. Trong quá trình xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội, các nhà hoạch định, thực hiện chính sách nên sử dụng phương pháp tiếp cận nhân học phát triển để phát huy những giá trị văn hóa và nguồn lực nội tại của các nhóm DTTS cho phát triển. Cần tăng cường thực hiện chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về công tác tại các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi. Cần có chính sách ưu tiên phù hợp trong đào tạo và sử dụng nhân lực được đào tạo, đào tạo cán bộ nguồn cho xã, thôn là con em người DTTS sinh sống trên địa bàn. Cần áp dụng chính sách trợ cấp đảm bảo thu nhập cho công chức viên chức làm việc ở các khu vực miền núi và vùng sâu vùng xa nhằm thu hút và giữ chân các cán bộ có trình độ.

6. Kết luận

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược về kinh tế, môi trường và an ninh quốc phòng của cả nước, đồng thời Tây Nguyên còn là địa bàn có cơ cấu dân tộc đa dạng và phức tạp. Để phát triển vùng Tây Nguyên, nhất là nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số Đảng và Nhà nước đã có nhiều quan điểm, chủ trương, các chính sách phát triển

vùng Tây Nguyên, trong đó có các chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được góp phần nâng cao đời sống vùng đồng bào DTTS thì vẫn còn những khó khăn, bất cập trong thực hiện chính sách dân tộc trên lĩnh vực xã hội ở vùng Tây Nguyên. Để khắc phục tình trạng này cần có những giải pháp trong xây dựng, triển khai thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Tây Nguyên.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb CTQG, H, 1987.
2. Tổng cục Thống kê: *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, H, 2020.
3. Bùi Thị Xuân Mai (chủ biên): *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*, Nxb LDXH, H, 2010.
4. Ngọc Oanh: *Chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 11(84) - 2014, tr. 67.
5. Nguyễn Tiệp, Phạm Hồng Trang, Nguyễn Lê Trang: *Giáo trình chính sách xã hội*. Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Lao động xã hội (Tài liệu lưu hành nội bộ), 2022.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập* t.10, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 608.
7. Ban Tư tưởng - văn hóa Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu các Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, tr.77.
8. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk: *Hoàn thiện thể chế quản lý, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*, <http://bandantoc.daklak.gov.vn/ctmtqg-phat-trien-ktxh-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui/hoan-thien-the-che-quan-ly-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-2795.html>, 2024.
- 9, 10, 11. Tổng cục Thống kê: *Niên giám Thống kê 2023*, Nxb Thống kê, H, 2023.

LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG...

Tiếp theo trang 76

áp dụng các hình thức ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho lao động phi chính thức như trợ cấp, ưu đãi về thuế hoặc các khoản đóng góp của chính phủ để khuyến khích lao động phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội. Đồng thời đơn giản hóa thủ tục và tạo điều kiện dễ dàng hơn để lao động phi chính thức tham gia như cho phép lao động phi chính thức lựa chọn mức đóng và chế độ thụ hưởng phù hợp với khả năng tài chính của họ, tạo điều kiện để họ có thể tạm ngừng và tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội khi cần thiết.

1. Mục di cư và đô thị hóa, Tổng điều tra Dân số và nhà ở 2019, Tổng cục Thống kê.
2. <https://congdlieu.vn/dulieuchitiet/1312402#>.
3. Theo Khoản 1, Điều 105 của Bộ luật Lao động năm 2019 “Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần”
4. Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, 2022.
5. Kết quả điều tra lao động việc làm 2021, Tổng cục Thống kê.
6. Tổng quan về lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam, Tổng cục Thống kê.

